

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 59)**

MÃ NGÀNH: 7340101
TÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
TÊN CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 59)

Mã ngành: 7340101D403

Tên ngành: **Quản trị kinh doanh**

Tên chuyên ngành: **Quản trị kinh doanh (Business Management and Administration)**

Trình độ: **Đại học chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh một cách toàn diện trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế về giáo dục đại học, đó là sự kết hợp giữa các mặt: kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành và phẩm chất đạo đức. Sinh viên ra trường có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có ý thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Chương trình trang bị kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần thiết cho nguồn lao động trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Đào tạo chuyên sâu các kiến thức về quản trị kinh doanh, bao gồm các kiến thức về quản trị doanh nghiệp (quản trị nhân sự, tài chính, kế toán, sản xuất, vật tư, dự án, quản trị rủi ro, khởi sự doanh nghiệp, xây dựng chiến lược kinh doanh) và các kiến thức về marketing (nghiên cứu thị trường, quản trị marketing, truyền thông marketing).

Sinh viên ra trường có tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có kỹ năng giao tiếp và làm việc hiệu quả, có khả năng giao tiếp và làm việc bằng tiếng Anh

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã số	Nội dung	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1.1	Kiến thức cơ bản	
1.1.1	Kiến thức về triết học và tư tưởng Hồ Chí Minh	3.5
1.1.1.1	<i>Có khả năng hiểu và tiếp nhận, phản hồi hệ thống những quan điểm về tự nhiên và về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực, những quy luật chung của sự vận động, phát triển của tự nhiên và của xã hội loài người.</i>	3.0
1.1.1.2	<i>Có khả năng hiểu về các phương thức sản xuất, học thuyết kinh tế từ đó hình thành năng lực tư duy lý luận, tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội</i>	3.0
1.1.1.3	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh từ đó góp phần xây dựng nền tảng con người mới.</i>	3.5
1.1.1.4	<i>Có khả năng hiểu biết về các kiến thức cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam từ đó ý thức được trách nhiệm công dân của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng</i>	3.5
1.1.1.5	<i>Có khả năng áp dụng các hiểu biết về lý luận kinh tế, chính trị, xã hội giải thích lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin về chủ nghĩa xã hội</i>	
1.1.2	Kiến thức cơ bản về toán học và định lượng trong kinh tế	3.5
1.1.2.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về toán học tối ưu</i>	3.5
1.1.2.2	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về xác suất và quy luật phân bố xác suất</i>	3.5
1.1.3	Kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, pháp luật kinh tế	3.0
1.1.3.1	<i>Có hiểu biết cơ bản về hệ thống pháp luật kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	3.0
1.1.3.2	<i>Nắm được địa vị các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc dân</i>	3.0
1.1.3.3	<i>Có hiểu biết cơ bản về hệ thống pháp luật kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	3.0
1.1.3.4	<i>Nắm được địa vị các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc dân</i>	3.0
1.2	Kiến thức ngành và chuyên ngành	
1.2.1	Kiến thức về kinh tế	
1.2.1.1	<i>Kinh tế vi mô Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế, lý thuyết cung cầu, lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và hành vi của người sản xuất Có hiểu biết cơ bản về các cấu trúc của thị trường, các thất bại thị trường và các biện pháp khắc phục của Chính phủ</i>	2.5
1.2.1.2	<i>Kinh tế vĩ mô Có hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm, cách tính toán và ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô</i>	2.5

Mã số	Nội dung	TĐNL
	<i>Có hiểu biết cơ bản về những chính sách của chính phủ và tác động của chúng đến nền kinh tế.</i>	
1.2.1.3	Nguyên lý thống kê <i>Có những hiểu biết mang tính hệ thống về các nguyên tắc, nguyên lý thống kê, các bảng biểu thống kê thường gặp trong thực tiễn.</i> <i>Có khả năng áp dụng, xây dựng và cung cấp các phương pháp phân tích đánh giá mặt lượng các hoạt động kinh tế - xã hội của các tổ chức, đơn vị.</i>	3.0
1.2.1.4	Kinh tế lượng <i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, các bước tiến hành để đi lượng hóa mối quan hệ giữa các biến kinh tế, hiểu thế nào là phân tích hồi quy.</i> <i>Có hiểu biết cơ bản về hàm hồi quy đơn, hàm hồi quy bội, hàm hồi quy biến giá.</i>	3.0
1.2.2	Kiến thức về tài chính, kế toán	
1.2.2.1	Tài chính tiền tệ <i>Có khả năng hiểu và vận dụng các lý luận nền tảng về tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường, làm tiền đề để nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc khối ngành Kinh tế và Tài chính Kế toán, bao gồm các kiến thức chung về thị trường tài chính, tài chính doanh nghiệp, giá trị thời gian của tiền, các định chế tài chính và quá trình cung ứng tiền tệ.</i>	2.5
1.2.2.2	Thuế vụ <i>Có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức chung về thuế và nội dung cơ bản của chính sách thuế hiện hành. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng được cách tính các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần đề cập tới các nội dung: Đại cương về thuế; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế bảo vệ môi trường; thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân.</i>	2.5
1.2.2.3	Nguyên lý kế toán <i>Có khả năng hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán trong doanh nghiệp</i> <i>Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để làm các công việc kế toán đơn giản, các định khoản đơn giản, lập báo cáo tài chính</i>	3.0
1.2.2.4	Thị trường chứng khoán <i>Có khả năng hiểu được tổng quan về thị trường chứng khoán thế giới cũng như của Việt Nam</i> <i>Có khả năng hiểu cách tính cũng như ý nghĩa của các chỉ số: thu nhập một cổ phiếu thường, hệ số P/E, giá trị sổ sách một cổ phiếu thường...</i> <i>Có khả năng hiểu và vận dụng các kiến thức đã học để giao dịch chứng khoán</i>	3.0
1.2.2.5	Nguyên lý bảo hiểm <i>Có khả năng hiểu kiến thức về những vấn đề cơ bản về Bảo hiểm và các quy định trong các hợp đồng bảo hiểm. Từ đó vận dụng trong</i>	3.0

Mã số	Nội dung	TĐNL
	<i>hoạt động đàm phán, ký kết hợp đồng bảo hiểm dưới góc độ nhà đầu tư cá nhân và tổ chức kinh doanh (doanh nghiệp). Vận dụng nguyên tắc bồi thường, điều kiện bảo hiểm để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các hợp đồng bảo hiểm.</i>	
1.2.2.6	Nghệp vụ ngân hàng 1 <i>Có khả năng hiểu và áp dụng kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ ngân hàng thương mại như: cho thuê tài chính, chiết khấu giấy tờ có giá, bảo lãnh ngân hàng, bao thanh toán, tài trợ xuất nhập khẩu và các dịch vụ ngân hàng khác tạo điều kiện cho sinh viên khi tốt nghiệp ra trường dễ dàng tiếp cận với môi trường làm việc tại các ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính.</i>	3.0
1.2.2.7	Kế toán quản trị <i>Có khả năng hiểu được công việc cơ bản của người kế toán quản trị trong doanh nghiệp, nắm rõ cách phân chia các loại chi phí đặc thù của kế toán quản trị: biến phí, định phí, chi phí hỗn hợp, chi phí cơ hội</i> <i>Có khả năng hiểu và biết cách vận dụng các cách tính giá bán theo phương pháp trực tiếp, phương pháp toàn bộ, Lập các báo cáo cơ bản như báo cáo kết quả kinh doanh dạng lãi trên biến phí và từ đó đưa ra các phương án làm tối đa hóa lợi nhuận, Tư vấn cho chủ doanh nghiệp trong việc đưa ra các quyết định ngắn hạn.</i>	3.0
1.2.2.8	Toán tài chính <i>Có khả năng hiểu và sử dụng các công cụ toán học nhằm giải quyết những vấn đề liên quan đến tài chính và ngân hàng nói chung. Xây dựng một cách có hệ thống các công thức, phương trình để xử lý các bài toán liên quan đến tài chính như: tính tiền lãi, định giá các công cụ tài chính, thẩm định dự án đầu tư, đánh giá tình hình tài chính của một công ty, việc thanh toán các khoản nợ thông thường, đặc biệt áp dụng được trên thị trường chứng khoán.</i>	3.0
1.2.2.9	Kế toán doanh nghiệp 1 <i>Có khả năng hiểu được công việc cơ bản của hoạt động kế toán trong doanh nghiệp. Có khả năng hiểu và vận dụng cách lập chứng từ, luân chuyển chứng từ, vào sổ sách kế toán, hạch toán các phần hành kế toán vốn bằng tiền, hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản thanh toán, các khoản đầu tư, doanh thu, chi phí và xác định kết quả.</i>	3.0
1.2.3	Kiến thức về quản trị kinh doanh	
1.2.3.1	Giới thiệu ngành <i>Hiểu được một số kiến thức, kỹ năng cơ bản, thái độ, đạo đức nghề nghiệp của ngành quản trị kinh doanh</i>	2.0
1.2.3.2	Quản trị doanh nghiệp <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về phương pháp quản lý của nhà quản trị và các nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp như: hoạch định, nhân sự, chi phí và kết quả, kiểm soát.</i> <i>Có khả năng xác định đúng mức độ quan trọng của các phương pháp quản lý ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh</i>	3.0

Mã số	Nội dung	TĐNL
	<i>nghiệp, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh để mang lại thành công cho doanh nghiệp.</i>	
1.2.3.3	Quản trị học <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về bản chất của quản trị, vai trò các nhà quản trị, các chức năng của quản trị bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra.</i> <i>Có khả năng hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề quản trị trong tổ chức.</i>	3.0
1.2.3.4	Marketing căn bản <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức Marketing, nghiên cứu thị trường, phân tích được hành vi người tiêu dùng, phân đoạn thị trường, các chiến lược Marketing trong doanh nghiệp: chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.</i> <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức đã học để lập kế hoạch Marketing cho một doanh nghiệp</i>	3.0
1.2.3.5	Quản trị dự án đầu tư <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về soạn thảo một dự án đầu tư. Hiểu được quy trình phân tích, đánh giá, thẩm định một dự án đầu tư có tính khả thi</i> <i>Có kỹ năng lập kế hoạch, điều phối dự án và kiểm soát việc thực hiện dự án.</i>	4.0
1.2.3.6	Quản trị marketing <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức nghiên cứu thị trường, môi trường marketing của doanh nghiệp, các bước lập kế hoạch marketing và quản trị sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến bán hàng.</i> <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức để điều hành, lập chiến lược marketing, chỉ đạo thực hiện chiến lược, kiểm tra điều chỉnh cho phù hợp thực tiễn.</i>	4.0
1.2.3.7	Quản trị chiến lược <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về chiến lược, quản trị chiến lược, quá trình quản trị chiến lược, các ma trận phân tích và lựa chọn chiến lược.</i> <i>Có khả năng hiểu và phân tích môi trường kinh doanh, vận dụng xây dựng, thực hiện, kiểm soát tốt quá trình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp</i>	3.0
1.2.3.8	Quản trị sản xuất <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về dự báo mức tiêu thụ sản phẩm cho doanh nghiệp, thực hiện tốt hoạt động quản trị lượng vật tư hàng hóa cần dự trữ, bố trí thiết bị sản xuất nhằm đạt được hiệu quả công việc</i> <i>Có khả năng vận dụng thành công các phương pháp quản trị sản xuất hiện đại trong doanh nghiệp nhằm nâng cao sức cạnh tranh.</i>	3.0
1.2.3.9	Khởi sự doanh nghiệp	3.0

Mã số	Nội dung	TĐNL
	<i>Cung cấp kiến thức về cách thức phát triển các ý tưởng kinh doanh, xây dựng chiến lược công ty, nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm, quản lý rủi ro, hướng dẫn lập kế hoạch kinh doanh. Có khả năng tìm kiếm được các ý tưởng kinh doanh trong thực tế và lập được bản kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh. Có thể tự khởi sự kinh doanh trong một lĩnh vực cụ thể. Khả năng nắm bắt các xu hướng mới trong khởi nghiệp trong các vùng, các lĩnh vực hoạt động kinh doanh.</i>	
1.2.3.10	Quản trị nhân lực <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản và có hệ thống về quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp tương ứng với 3 giai đoạn: hình thành nguồn nhân lực, duy trì nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực Có khả năng hiểu và áp dụng những kỹ năng về quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức, mối quan hệ của quản trị nguồn nhân lực với các vấn đề quản trị khác trong tổ chức.</i>	3.0
1.2.3.11	Quản trị hành chính <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về những chức năng của quản trị hành chính văn phòng, các nghiệp vụ văn phòng, quản trị hành chính văn phòng, các phương pháp quản lý thời gian, quy trình soạn thảo, xử lý công văn, hoạch định các cuộc họp</i>	3.0
1.2.3.12	Thực tập cơ sở ngành <i>Có khả năng tìm hiểu thực tế và viết báo cáo thực tập</i>	2.0
1.2.3.13	Thực tập chuyên ngành <i>Tìm hiểu và viết báo cáo về 1 trong các nghiệp vụ sau của doanh nghiệp: quản trị nhân lực, quản trị marketing, quản trị chiến lược, quản trị sản xuất, quản trị hành chính, quản lý chất lượng....</i>	3.0
1.2.3.14	Thực tập tốt nghiệp <i>Tìm hiểu, viết và bảo vệ một trong các chuyên đề: quản trị nhân lực, quản trị marketing, quản trị chiến lược, quản trị sản xuất, quản trị hành chính, quản lý chất lượng, quản trị dự án, khởi sự doanh nghiệp, quản trị rủi ro, quản trị chi phí và giá thành....</i>	3.5
1.2.4	Kiến thức tự chọn	
1.2.4.1	Anh văn cơ bản 1 <i>Học phần Anh văn cơ bản 1 hệ thống lại các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh đơn giản, củng cố từ vựng để phục vụ giao tiếp trong các chủ đề thường ngày, luyện sinh viên khả năng sử dụng các kỹ năng tiếng Anh ở mức độ tối thiểu.</i>	3.0
1.2.4.2	Anh văn cơ bản 2 <i>Học phần Anh văn cơ bản 2 tiếp tục củng cố các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh, từ vựng tiếng Anh tổng quát để phục vụ giao tiếp một cách thỏa đáng về những chủ đề hàng ngày.</i>	3.0
1.2.4.3	Anh văn cơ bản 3	3.0

Mã số	Nội dung	TĐNL
	<i>Học phần Anh văn cơ bản 3 củng cố chuyên sâu các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh, từ vựng tiếng Anh tổng quát để phục vụ giao tiếp một cách thỏa đáng về những chủ đề hàng ngày.</i>	
1.2.4.4	Truyền thông marketing <i>Nắm bắt được các phương pháp và công cụ truyền thông marketing, thực hiện các hoạt động Quảng cáo, khuyến mại, Marketing trực tiếp, PR, và chào hàng cá nhân, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty trong nền kinh tế thị trường.</i> <i>Nắm giữ kỹ năng Quảng cáo, khuyến mại, Marketing trực tiếp, PR, và chào hàng cá nhân, chỉ đạo thực hiện chiến lược, kiểm tra điều chỉnh cho phù hợp thực tiễn.</i>	3.0
1.2.4.5	Tin học văn phòng <i>Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ điều hành Microsoft Windows 7. Hướng dẫn sử dụng bộ công cụ soạn thảo văn bản Word 2010, bảng tính Excel 2010, PowerPoint 2010, khai thác thành thạo mạng Internet.</i> <i>Có hiểu biết cơ bản về các hoạt động kho hàng. Nắm được các nghiệp vụ tại kho hàng</i>	3.0
1.2.4.6	Môi trường và bảo vệ môi trường <i>Hiểu được các kiến thức cơ bản về cấu trúc và chức năng của môi trường, các dạng ô nhiễm, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững</i> <i>Có nhận thức đúng đắn về môi trường, tác động của con người lên các thành phần và chức năng của môi trường, từ đó có thái độ ứng xử đúng trong vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.</i> <i>Nhận diện được các vấn đề môi trường có thể phát sinh trong ngành hàng hải</i>	3.0
1.2.4.7	Quản trị rủi ro <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về các loại rủi ro trong môi trường kinh doanh, sử dụng các phương pháp đo lường rủi ro, xây dựng chương trình kiểm soát rủi ro.</i> <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kỹ năng phân tích, đánh giá và xây dựng hệ thống quản lý rủi ro, kỹ năng phân tích những mối nguy hiểm trong môi trường kinh doanh, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý rủi ro, kỹ năng kiểm soát rủi ro.</i>	3.5
1.2.4.8	Quản lý chất lượng <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về chất lượng và vai trò chất lượng của sản phẩm đối với sự thành công của doanh nghiệp, quản lý chất lượng cũng như tác động của nó đối với sự thành công của các tổ chức và sử dụng được một số kỹ thuật để kiểm soát và cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ, chất lượng quá trình, chất lượng hệ thống quản lý.</i> <i>Có khả năng lựa chọn và lập được kế hoạch triển khai một hệ thống quản lý chất lượng thích hợp cho tổ chức.</i>	3.0
1.2.4.9	Nghiên cứu marketing	3.5

Mã số	Nội dung	TĐNL
	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về nghiên cứu Marketing, quy trình nghiên cứu Marketing học để thực hiện một nghiên cứu Marketing cho một doanh nghiệp. Biết sử dụng phần mềm trong xử lý dữ liệu để phân tích, trình bày và báo cáo kết quả nghiên cứu</i>	
1.2.4.10	<i>Văn hoá doanh nghiệp Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về các bộ phận cấu thành văn hóa doanh nghiệp, cơ sở và biện pháp xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nội dung quản lý thay đổi văn hóa doanh nghiệp Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện xây dựng nội dung văn hóa doanh nghiệp tại một công ty</i>	3.0
1.2.4.11	<i>Đồ án tốt nghiệp Viết một bài khoá luận tốt nghiệp trong các chuyên đề: quản trị nhân lực, quản trị marketing, quản trị chiến lược, quản trị sản xuất, quản trị hành chính, quản lý chất lượng, quản trị dự án, khởi sự doanh nghiệp, quản trị rủi ro, quản trị chi phí và giá thành....</i>	3.0
1.2.4.12	<i>Quan hệ kinh tế thế giới Hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan tới hoạt động ngoại thương, di chuyển vốn, lao động giữa các quốc gia, các tổ chức/hiệp hội thương mại quốc tế...</i>	3.0
1.2.4.13	<i>Kinh tế công cộng Hiểu kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của chính phủ song song với các lý thuyết về phân phối nguồn lực một cách hiệu quả. Nghiên cứu các dạng thất bại thị trường bao gồm thất bại về tính hiệu quả trong sử dụng nguồn lực, thất bại về phân phối thu nhập, sự bất ổn mang tính chất chu kỳ của nền kinh tế cũng như vấn đề ra quyết định trong khu vực công cộng.</i>	3.0
1.2.4.14	<i>Kỹ năng mềm 1 Hiểu các kiến thức cơ bản về nguyên tắc, quy trình trong giao tiếp. Nắm được các phương pháp thuyết trình hiệu quả, sinh động, lôi cuốn. Trang bị các kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề trong quá trình làm việc nhóm. Qua đó ứng dụng các kiến thức đã học trong công việc và cuộc sống.</i>	3.0
1.2.4.15	<i>Kỹ năng mềm 2 Hiểu các kiến thức cơ bản về nguyên tắc, quy trình trong giao tiếp. Nắm được các phương pháp thuyết trình hiệu quả, sinh động, lôi cuốn. Trang bị các kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề trong quá trình làm việc nhóm. Qua đó ứng dụng các kiến thức đã học trong công việc và cuộc sống.</i>	3.0
1.2.4.16	<i>Tiếng Anh chuyên ngành QTKD Có khả năng sử dụng thành thạo những thuật ngữ chuyên ngành về Quản trị kinh doanh bằng tiếng Anh</i>	3.0
1.2.4.17	<i>Pháp luật KD thương mại Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về luật thương mại trong hoạt động doanh nghiệp</i>	3.0

Mã số	Nội dung	TĐNL
1.2.4.18	Tài chính quốc tế <i>Có khả năng nhận biết, đánh giá, giải thích, phân tích được sự hình thành và biến động tỷ giá, các mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau trong lĩnh vực tài chính và tiền tệ quốc tế diễn ra sôi động hiện nay giữa các quốc gia.</i> <i>Hiểu và áp dụng lý thuyết về thị trường tài chính quốc tế với trọng tâm là thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán quốc tế, chế độ tỷ giá và vai trò của NHTW, các học thuyết xác định tỷ giá (ngang giá sức mua, ngang giá lãi suất), hệ thống tiền tệ quốc tế, khủng hoảng tài chính quốc tế và các vấn đề liên quan đến chu chuyển vốn quốc tế.</i> <i>Thẩm định và phân tích tín dụng</i> <i>Có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức về tổ chức công tác thẩm định tín dụng của ngân hàng thương mại như: thẩm định năng lực pháp lý, năng lực tài chính, thẩm định phương án kinh doanh, tài sản bảo đảm ... là cơ sở đưa ra quyết định cấp tín dụng.</i>	3.0
1.2.4.19	Quản trị công nghệ <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về công nghệ, quản trị công nghệ, quá trình phát triển công nghệ, các tiêu chuẩn công nghệ . Bố trí tính toán hệ thống sản xuất, độ tin cậy của hệ thống, thời gian hoạt động ổn định, lập kế hoạch bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa máy hỏng.</i> <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về xác định đúng mức mức độ quan trọng của công nghệ trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Đánh giá đúng đắn nhu cầu công nghệ của công ty tại một thời điểm, tránh lãng phí. Tham khảo các điều luật công nghệ và hệ thống công nghệ hiện tại. Tính toán chính xác thời gian máy hỏng.</i>	3.0
1.2.4.20	Tâm lý học quản trị <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về tâm lý học đại cương và tâm lý học quản trị kinh doanh và vận dụng được các quy luật tâm lý cơ bản trong thực tiễn làm việc.</i> <i>Có khả năng hiểu tâm lý của đối tác, biết vận dụng các kỹ năng quản lý đối với từng đối tượng trong doanh nghiệp, biết khả năng đàm phán và xử lý các vấn đề phát sinh trong đàm phán.</i>	3.0
2	KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP, VÀ PHẨM CHẤT	
2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề	
2.1.1	Phát hiện và nêu vấn đề	3.5
2.1.1.1	Phân tích được dữ liệu và các hiện tượng	
2.1.1.2	Phân tích các giả định và những nguồn định kiến	
2.1.2	Tìm hiểu nguyên nhân của vấn đề	3.5
2.1.3	Phân tích vấn đề từ nhiều quan điểm khác nhau	3.0
2.1.4	Các giải pháp và khuyến nghị	3.0
2.1.4.1	Chọn các kết quả quan trọng của các giải pháp và kiểm tra dữ liệu	
2.1.4.2	Phát hiện các khác biệt trong các kết quả	
2.2	Tư duy tầm hệ thống	

2.2.1	Tư duy toàn cục	3.0
2.2.1.1	Hiểu hệ thống, chức năng và sự vận hành, và các thành phần	
2.2.2	Sắp xếp trình tự ưu tiên và tập trung	3.0
2.2.2.1	Phát hiện tất cả các nhân tố liên quan đến toàn hệ thống	
2.2.2.2	Phát hiện các nhân tố chính yếu từ trong hệ thống	
2.3	Thái độ, tư tưởng và học tập	
2.3.1	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	3.0
2.3.1.1	Xác định ý thức trách nhiệm về kết quả	
2.3.1.2	Cho thấy sự tự tin, lòng can đảm, và niềm đam mê	
2.3.1.3	Cho thấy Sự quyết tâm hoàn thành mục tiêu	
2.3.2	Tư duy suy xét	3.0
2.3.2.1	Giải thích mục đích, nêu vấn đề hoặc sự kiện	
2.3.2.2	Áp dụng những lập luận lô-gic (và biện chứng) và giải pháp	
2.3.3	Học tập và rèn luyện suốt đời	3.0
2.3.3.1	Xác định động lực tự rèn luyện thường xuyên	
2.3.3.2	Xây dựng các kỹ năng tự rèn luyện	
2.3.4	Quản lý thời gian	3.0
2.4	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác	
2.4.1	Đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội	3.0
2.4.1.1	Tạo ra các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của bản thân	
2.4.1.2	Cho thấy tính trung thực	
2.4.2	Hành xử chuyên nghiệp	3.0
2.4.2.1	Cho thấy phong cách chuyên nghiệp	
3	KỸ NĂNG GIAO TIẾP: LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	
3.1	Làm việc nhóm	
3.1.1	Tổ chức nhóm hiệu quả	3.5
3.1.1.1	Xác định vai trò và trách nhiệm của nhóm	
3.1.1.2	Đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu của nhóm và các thành viên	
3.1.2	Hoạt động nhóm	3.5
3.1.2.1	Xác định các mục tiêu và công việc cần làm	
3.1.2.2	Vận dụng hoạch định và tạo điều kiện cho các cuộc họp có hiệu quả	
3.1.2.3	Vận dụng giao tiếp hiệu quả (lắng nghe, hợp tác, cung cấp và đạt được thông tin một cách chủ động)	
3.1.2.4	Cho thấy khả năng phản hồi tích cực và hiệu quả	
3.2	Giao tiếp	
3.2.1	Giao tiếp bằng văn bản	3.5
3.2.1.1	Cho thấy khả năng viết mạch lạc và trôi chảy	
3.2.1.2	Cho thấy khả năng viết đúng chính tả, chấm câu, và ngữ pháp	
3.2.1.3	Cho thấy khả năng định dạng văn bản, sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của MS Word	
3.2.2	Giao tiếp điện tử/ đa truyền thông	3.5

3.2.2.1	Cho thấy khả năng chuẩn bị bài thuyết trình điện tử	
3.2.2.2	Cho thấy khả năng sử dụng thư điện tử, lời nhắn, và hội thảo qua video	
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ	
3.3.1	Kỹ năng nghe: có thể hiểu được những điểm chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn và rõ ràng về một vấn đề quen thuộc, thường xuyên gặp phải trong công việc, học tập và giải trí ... có thể hiểu được những điểm chính của các chương trình phát thanh hoặc truyền hình liên quan đến công việc hiện tại hoặc các vấn đề liên quan đến cá nhân, đến nghề nghiệp quan tâm khi chúng được trình bày tương đối chậm và rõ ràng	3.5
3.3.2	Kỹ năng đọc: có thể hiểu được các văn bản có lối diễn đạt căn bản thường gặp hoặc liên quan đến công việc; có thể hiểu được các diễn tả về sự kiện, cảm xúc và ước muốn trong thư tín cá nhân	3.5
3.3.3	Kỹ năng nói: có thể trao đổi trực tiếp và ngắn gọn thông tin về những đề tài và các hoạt động quen thuộc, những công việc đơn giản thường gặp; có thể xử lý những trao đổi xã hội ngắn, và có thể sử dụng một loạt các cụm từ và câu để miêu tả một cách đơn giản về gia đình và những người khác, về điều kiện sống, học vấn và công việc	3.5
3.3.4	Kỹ năng viết: có thể viết mạch lạc những vấn đề quen thuộc hoặc những đề tài quan tâm, có thể viết thư để diễn tả các trải nghiệm và ấn tượng cá nhân	3.5
4	NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP	
4.1	Bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường	
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm của cử nhân ngành QTKD	2.0
4.1.1.1	Khẳng định vai trò là cử nhân ngành QTKD thông qua công việc và hoạt động với những đóng góp tích cực cho xã hội, khách hàng và doanh nghiệp	2.0
4.1.1.2	Xác định các trách nhiệm của cử nhân ngành QTKD đối với xã hội và một tương lai bền vững	2.0
4.1.2	Bối cảnh lịch sử, văn hóa và phát triển quan điểm toàn cầu hoá	2.0
4.1.2.1	Khái quát và đánh giá ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của ngành QTKD đối với xã hội thông qua các chức năng: huy động - tài trợ vốn cho nền kinh tế; giám sát và cải thiện hoạt động sử dụng nguồn lực tài chính; công cụ để điều tiết và phân bổ nguồn lực.	2.0
4.1.2.2	Xác định sự quốc tế hóa của hoạt động QTKD	2.0
4.2	Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh	
4.2.1	Tôn trọng các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau	2.0
4.2.1.1	So sánh và phân tích được sự khác biệt về văn hóa tại công ty so với tổ chức giáo dục/tổ chức thuộc chính phủ/tổ chức phi lợi nhuận	2.0
4.2.2	Chiến lược doanh nghiệp, mục tiêu và kế hoạch thực hiện	2.0
4.2.2.1	Tham gia thiết kế và phát triển chiến lược của doanh nghiệp/tổ chức	2.0

4.2.2.2	Phát triển và duy trì các liên minh quan trọng và mối quan hệ với khách hàng, đối tác.	2.0
4.3	Hình thành ý tưởng kinh doanh	2.0
4.3.1	Thiết lập mục tiêu kinh tế/kinh doanh dựa trên nhu cầu thị trường và bối cảnh xã hội	2.0
4.3.1.1	Nhận biết và đánh giá cơ hội từ những thay đổi trong chính sách, xu hướng thị trường.	2.0
4.3.1.2	Thiết lập mục tiêu, chiến lược và hình thành mạng lưới liên kết với doanh nghiệp/tổ chức khác	2.0
4.3.2	Mô hình hóa ý tưởng và đảm bảo các mục tiêu có thể thực hiện	2.0
4.3.2.1	Xác định các tiền đề đảm bảo khả năng thực thi ý tưởng: nguồn lực, thị trường, môi trường kinh doanh	2.0
4.3.2.2	Quyết định phát triển ý tưởng thành kế hoạch/dự án kinh tế/kinh doanh	2.0

Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

Thang TĐNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
1. <i>Có biết hoặc trải qua</i>			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thực
4. Có kỹ <i>năng</i> thực hành hoặc triển khai trong	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể <i>dẫn dắt</i> hoặc <i>sáng tạo</i> trong	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Cử nhân quản trị kinh doanh có thể đảm nhận các công việc quản trị như: quản trị sản xuất, quản trị chiến lược, quản trị dự án, quản trị nhân lực và các hoạt động quản trị khác tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.
- Cử nhân quản trị kinh doanh có thể đảm nhận các công việc marketing như: bán hàng và quản trị bán hàng, quản trị marketing, quan hệ công chúng, quản trị kênh phân phối, quảng cáo, tiếp thị, nghiên cứu marketing.
- Cử nhân quản trị kinh doanh có khả năng khởi nghiệp với việc tự thành lập và điều hành công ty riêng.
- Cử nhân quản trị kinh doanh có khả năng giảng dạy, nghiên cứu tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp về lĩnh vực được đào tạo.

4. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

4.1. Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa:

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 122TC

(Không tính các học phần GDTC, QPAN)

a. Khối kiến thức cơ bản: 15 TC

b. Khối kiến thức cơ sở: 48 TC

c. Khối kiến thức chuyên ngành: 31 TC

d. Khối kiến thức tự chọn: 22 TC

đ. Khối kiến thức tốt nghiệp: 6 TC

4.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Ngành: Quản trị kinh doanh (7340101) - Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh (D403)

Tổng cộng: 122

Bắt buộc: 94 TC

Tự chọn tối thiểu: 22 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Toán chuyên đề (18125-3TC) - Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) - Kinh tế vi mô (15101-3TC) - Giới thiệu ngành (28238-2TC) - Tài chính tiền tệ (28301-3TC) II. Tự chọn - Tin học văn phòng (17102-3TC) - Quan hệ kinh tế quốc tế (15640-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 10 TC Học trước - Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 19106 - Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106 - Pháp luật đại cương (11401-2TC) - Kinh tế vĩ mô (15102-3TC) 15101 II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) - Kinh tế công cộng (15103-3TC) - Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) - Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 19201 - Nguyên lý thống kê (15117-2TC) 18125 - Nguyên lý kế toán (28108-3TC) 28301 - Thuế vụ (28307-2TC) - Marketing căn bản (28210-3TC) II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) - Văn hóa doanh nghiệp (28239-3TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 12 TC Học trước - Toán tài chính (28309-3TC) - Kế toán doanh nghiệp 1 (28119-2TC) 28108 - Kinh tế lượng (15105-3TC) 18125 - Quản trị học (28201-2TC) - Thị trường chứng khoán (28103-2TC) 15102 II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) - Quản lý chất lượng (28221-3TC) - Pháp luật KD thương mại (11445-3TC)
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 15 TC Học trước - Nguyên lý bảo hiểm (28327-3TC) - Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC) - Kế toán quản trị (28113-3TC) 28108 - Nghiệp vụ ngân hàng 1 (28342-3TC) - Thực tập cơ sở ngành (28250-3TC) II. Tự chọn - Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC) - T.A chuyên ngành QTKD (28248-2TC)	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 14 TC Học trước - Quản trị hành chính (28203-3TC) - Khởi sự doanh nghiệp (28212-3TC) - Quản trị chiến lược (28209-3TC) - Quản trị Marketing (28206-5TC) 28210 II. Tự chọn - Quản trị công nghệ (28251-3TC) - Tâm lý học quản trị (28252-3TC)
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Quản trị dự án (28204-5TC) 28309 - Quản trị nhân lực (28205-3TC) - Quản trị sản xuất (28224-3TC) - Thực tập chuyên ngành (28242-2TC) II. Tự chọn - Truyền thông marketing (28225-3TC) - Tài chính quốc tế (28311-3TC)	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 4 TC Học trước - Thực tập tốt nghiệp (28249-4TC) II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC - Đồ án tốt nghiệp (28244-6TC) - Nghiên cứu Marketing (28240-3TC) - Quản trị rủi ro (28223-3TC)

5. Tuyển sinh

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tổ chức tuyển sinh chuyên ngành Quản trị kinh doanh hàng năm theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Nhà trường.

6. Tổ chức giảng dạy, học tập và đánh giá

Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Nhà trường tổ chức đào tạo theo năm học và học kỳ.

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.

- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.

- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo kết quả học tập trong kỳ và kết quả thi cuối kỳ. Thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo học kỳ và theo khóa học.

7. Cấp bằng tốt nghiệp

Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra và các điều kiện cấp bằng đại học khác theo quy định được cấp bằng Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh.